



BẢN TIN THÁNG:

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO - SỐ 01

THÁNG 07/2020

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GAO TRONG THÁNG: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T6.20	So T7.19
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	453	497	472	-37	+13
	5% tấm	443	487	462	-37	+13
	25% tấm	430	472	446	-27	+12
	Hom Mali 92%	958	1017	980	-70	+26
	Gạo đỏ 100% Stxd	453	502	476	-42	+13
	A1 Super	400	427	411	-10	+11
VIỆT NAM	5% tấm	448	477	461	-5	+9
	25% tấm	428	457	445	-6	+9
	Jasmine	548	577	559	+3	+12
	100% tấm	368	402	380	+10	+7
ẤN ĐỘ	5% tấm	378	382	380	+7	+9
	25% tấm	348	352	350	+7	+8
	Gạo đỏ 5% Stxd	373	382	380	+8	+8
	100% tấm Stxd	298	302	300	0	+7
PAKISTAN	5% tấm	413	437	427	-16	+10
	25% tấm	362	379	372	-13	+9
	100% tấm Stxd	313	334	325	-3	+8
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	418	442	434	-26	N/A
MỸ	4% tấm	643	647	645	0	+222
	15% tấm (Sacked)	588	592	590	0	-40
	Gạo đỏ 4% tấm	603	607	605	0	+28
	Calrose 4%	936	940	938	0	+347

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO CỦA CÁC NƯỚC:

(Nguồn TRT, đến 04/08/2020)

Nước xuất khẩu	Lũy kế cùng kỳ			Cả năm 2019
	2019	2020	+/- so 2019	
Thái Lan	4.946	4.560	-7,81%	7,562
Ấn Độ	6.639	5.282	-20,44%	9,811
Việt Nam	4.583	4.756	3,77%	7,327
Pakistan	2.502	2.180	-12,86%	3,984
Mỹ	1.842	1.745	-5,28%	3,113
Tổng cộng	20.513	18.523	-9,07%	32,038

III. SỰ KIẾN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T07.2020	Sản lượng 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20	Thương mại 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20	Tồn kho cuối kỳ 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20
IGC	505,0	+1,81%	45,0	+4,65%	182	+2,82%
USDA	502,6	+1,50%	45,0	+6,00%	185,8 (*)	+2,00%
FAO	509,2	+1,68%	47,6	+6,01%	182,2	-0,71%

(*) Trong đó, Trung Quốc chiếm khoảng 63% và Ấn Độ là 21% tồn kho thế giới.

2. Các thị trường chính:

Thái Lan, giá chào gạo trắng 5% tằm kết thúc tháng 7/2020 ở mức 465 USD/tấn, giảm 25 USD/tấn so với tháng trước và giảm 68 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Hiệp hội Các nhà Xuất khẩu Gạo Thái Lan (TREA) hạ dự báo xuất khẩu gạo năm 2020 xuống còn 6,5 triệu tấn thay vì 7,5 triệu tấn hồi đầu năm. Đây cũng là mức dự báo thấp nhất trong vòng 20 năm qua.

Hội đồng Chính sách Lúa gạo Quốc gia Thái Lan đã quyết định giữ nguyên mức giá đảm bảo đối với mặt hàng gạo cho năm mùa vụ 2020/21, bắt đầu từ ngày 1/9/2020 và kết thúc vào ngày 31/5/2021. Chương trình mới này sẽ tiêu tốn khoảng 85 tỷ baht (khoảng 2,68 tỷ USD) của chính phủ Thái Lan.

Mực nước trên 4 đập chính tại miền trung Thái Lan (Bhumibol, Sirikit, Pasak Jolasid và Kwaee Noi Bamrung Daen) đã xuống mức báo động. Có khả năng chính quyền khu vực này sẽ không cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho hoạt động sản xuất lúa gạo và các mặt hàng nông sản khác trong khu vực.

Thiệt hại từ chương trình thế chấp gạo dưới thời chính quyền Yingluck Shinawatra đã được xử lý hơn một nửa, hiện ở mức 211 tỷ baht (khoảng 6,7 tỷ USD) và sẽ mất thêm khoảng 8 năm nữa để có thể tất toán được khoản nợ này.

Ấn Độ, kết thúc tháng 7/2020 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 380 USD/tấn, không đổi so với tháng trước và giảm 5 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng của nước này và hoạt động xuất khẩu gạo theo đó cũng bị ảnh hưởng. Thiếu vắng nhân công làm năng lực xếp hàng tại các cảng container chính của Ấn Độ bị hạn chế. Sản lượng làm hàng tại cảng Kakinada (cảng xuất gạo lớn nhất của Ấn Độ, chiếm khoảng ¼ tổng lượng gạo hàng hóa xuất khẩu) giảm khoảng 30% so với năm trước.

Xuất khẩu gạo basmati sang thị trường Iran năm 2020/21 có thể sụt giảm đến 20% khi quốc gia Trung Đông này không đáp ứng được phương thức thanh toán do Mỹ cấm vận kinh tế. Trong năm 2019/20, Iran đã nhập

khẩu 1,3 triệu tấn gạo Ấn Độ, chiếm khoảng 30% tổng lượng gạo basmati xuất khẩu của nguồn cung này.

Theo dự báo mới nhất từ FAO, xuất khẩu gạo năm 2020 của Ấn Độ ước đạt 10,8 triệu tấn, tăng 10% so với năm 2019.

Pakistan, giá chào gạo trắng 5% tám kết thúc tháng 7/2020 ở mức 420 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với tháng trước và giảm 55 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Tháng 6/2020, Pakistan đã xuất khẩu 285.665 tấn gạo, gồm 56.336 tấn gạo basmati và 229.329 tấn gạo non-basmati, giảm 19% so với tháng 5/2020 và tăng 1% so cùng kỳ năm ngoái.

Chuỗi cung ứng nước này đang chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Miến Điện, giá chào gạo trắng 5% tám kết thúc tháng 7/2020 ở mức 420 USD/tấn, giảm 20 USD/tấn so với tháng trước và giảm 65 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo dự báo mới nhất từ FAO, sản lượng lúa năm 2020 của Miến Điện ước khoảng 2,58 triệu tấn, giảm 2,6% so với ước tính ban đầu, do diện tích gieo trồng và năng suất đều giảm. FAO cũng dự báo trong năm 2020, xuất khẩu gạo của Miến Điện đạt khoảng 1,2 triệu tấn, tăng 11% so với năm 2019.

Campuchia, đã xuất khẩu 41.563 tấn gạo các loại trong tháng 6/2020, giảm 26% so với con số 55.845 tấn tháng 5/2020 và tăng 33% so cùng kỳ năm trước.

Indonesia, theo dự báo mới nhất từ FAO, sản lượng lúa gạo năm 2020 ước khoảng 54 triệu tấn, giảm 1% so với năm 2019.

Giá gạo nội địa tăng liên tục từ tháng 1/2020 đến tháng 4/2020 do thu hoạch trễ và sản lượng vụ chính sụt giảm. Nhu cầu tiêu thụ trong nước tăng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đẩy mạnh giá nội địa tăng theo. Tuy nhiên, thời điểm tháng 5 – 6/2020 vừa qua, giá đã hạ nhiệt, về gần với mức cùng kỳ năm trước, do nước này bước vào thu hoạch vụ chính. Cơ quan Hậu cần Quốc gia (Bulog) cũng tăng cường lượng gạo phân phối ra thị trường trong nước như một phần của nỗ lực bình ổn giá giữa bối cảnh khó khăn do dịch bệnh gây ra.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, Indonesia đã nhập khẩu 120.000 tấn gạo, giảm 48,2% so với cùng kỳ 2019. Theo USDA, dự báo trong năm 2020, nước này sẽ nhập khẩu khoảng 600.000 tấn gạo và trong năm 2021 là 500.000 tấn gạo.

Philippines, Văn phòng Hải quan Philippines (BoC) cho biết nguồn thu từ thuế nhập khẩu gạo đến ngày 17/7/2020 đạt khoảng 10,7 tỷ peso (# 217 triệu USD), tăng 8% so với năm 2019. Tuy nhiên, khối lượng gạo nhập khẩu tính đến ngày 17/7/2020 chỉ ở mức 1,65 triệu tấn, thấp hơn 24,6% so với cùng kỳ năm trước, do lệnh hạn chế xuất khẩu gạo tại một số nguồn cung giữa bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát.

Tuần thứ 3 của tháng 6/2020, giá lúa gạo nội địa giảm so với tuần trước đó. Giá lúa bình quân tại ruộng giảm từ 18,96 peso/kg (# 384 USD/tấn) tuần trước đó xuống còn 18,86 peso/kg (# 383 USD/tấn); tăng 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung Quốc, lũ lụt làm thiệt hại khoảng 5,28 triệu ha đất nông nghiệp trong hơn một tháng qua và gây thiệt hại kinh tế khoảng 144,4 tỷ nhân dân tệ (# 21 tỷ USD).

Tính đến ngày 27/7/2020, dịch châu chấu cũng gây ảnh hưởng đến hơn 9.000 ha đất nông nghiệp.

Chính phủ Trung Quốc dự kiến sẽ xuất gạo và lúa mì dự trữ quốc gia bán cho các công ty chăn nuôi nhằm hỗ trợ họ trước tình hình giá bắp đang tăng. Đợt đầu tiên dự kiến sẽ bán ra khoảng 10 triệu tấn gạo với mức giá 1.000 nhân dân tệ (# 143 USD/tấn).

Theo dự báo mới nhất từ USDA, sản lượng lúa gạo năm thị trường 2020/21 (tháng 7/2020-tháng 6/2021) của Trung Quốc ước khoảng 212 triệu tấn; xuất khẩu ước đạt 3,1 triệu tấn và tồn kho cuối kỳ vào khoảng 113,8 triệu tấn.

Trong khi đó, theo dự báo mới nhất từ FAO, nhập khẩu gạo năm 2020 ước khoảng 2,6 triệu tấn, thấp hơn 33% so với cùng kỳ năm trước do sản lượng năm 2019 dồi dào và tồn kho mang sang lớn.

Châu Phi, theo dự báo mới nhất từ FAO, ước tính trong năm thị trường 2020/21 (tháng 4/2020 đến tháng 3/2021), nhập khẩu gạo của Mozambique vào khoảng 615.000 tấn và Madagasca là 420.000 tấn.

Chính phủ Cameroon đang cho phép nhập khẩu 200.000 tấn gạo miễn thuế như một phần của nỗ lực đối phó với tình hình cung cấp sụt giảm và giá nội địa leo thang giữa tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Trong 3 tháng đầu năm 2020, nước này đã nhập khẩu 115.293 tấn gạo.

Liên minh Châu Âu (EU) và Anh, từ ngày 1/9/2019 đến ngày 26/7/2020, EU và Anh đã nhập khẩu 1,461 triệu tấn gạo, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.

Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) ký kết giữa EU và Việt Nam sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Các nhà nhập khẩu gạo trong khu vực đang chờ thông báo hướng dẫn xin giấy phép nhập khẩu trong khuôn khổ của thỏa thuận. Cũng theo thỏa thuận này, EU đồng ý nhập khẩu 60.000 tấn gạo xay xát/năm và 20.000 tấn gạo lứt/năm với mức thuế nhập khẩu 0% từ Việt Nam.

3. Thông tin thầu:

Hàn Quốc: Công ty Thương mại Thực phẩm và Nông - Thủy sản Hàn Quốc (KAFTC) đã nhập khẩu 1.500 tấn gạo hạt dài (non-glutinous) từ Thái Lan thông qua đợt thầu ngày 23/06/2020. Đây là đợt thầu thứ 5 của nước này với khối lượng tìm mua tổng cộng là 80.605 tấn, trong đó có 79.105 tấn gạo lứt hạt ngắn (non-glutinouse) đã được xác nhận trước đó với nguồn cung từ Trung Quốc.

Mauritius: Tập đoàn Thương mại Nhà nước (STC) Mauritius công bố đợt thầu quốc tế tìm kiếm nguồn cung cho 6.000 tấn gạo trắng hạt dài, hàng container, đóng bao 25kg và có xuất xứ tùy chọn. Thời gian giao hàng từ ngày 01/10 đến 31/12/2020.

Hạn nộp hồ sơ dự thầu (trực tuyến trên trang web Mua sắm điện tử): ngày 17/08/2020. Thầu sẽ diễn ra lúc 14:00 giờ (giờ địa phương), ngày 19/08/2020.

Nhật Bản: Công bố kết quả thầu mua và bán đồng thời (SBS) trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) lần thứ hai cho 1.000 tấn gạo năm tài chính 2021 (tháng 04/2020 - 03/2021) diễn ra vào ngày 28/07/2020. Theo đó, Bộ Nông Lâm Thủy sản (MAFF) thông báo đã nhận được hồ sơ chào cho 180 tấn, nhưng chỉ 40 tấn thành công.

MAFF cũng lưu ý rằng cuộc đấu thầu cho số lượng còn lại sẽ được tổ chức tiếp vào ngày 29/07/2020.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,97	7,07	7,01
Euro (USD/Euro)	1,12	1,19	1,15
Rupiah Indonesia (IDR)	14.342,14	14.797,49	14.550,39
Rupee Ấn Độ (INR)	74,63	75,58	74,99
Yen Nhật Bản (JPY)	104,33	107,68	106,75
Philippines Peso (PHP)	49,05	49,84	49,42
Pakistan Rupees (PKR)	166,00	168,43	167,19
Baht Thái Lan (THB)	30,95	31,80	31,42
Vietnamese Dong (VND)	23.057,93	23.291,30	23.183,96

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO:

1. Kết quả xuất khẩu:

Theo số liệu tổng hợp, xuất khẩu tháng 7 năm 2020 đạt 479.633 tấn, trị giá 232,145 triệu USD so với cùng kỳ tăng 6,5% về số lượng và tăng 2,2% về trị giá. Lũy kế xuất khẩu từ đầu năm đến ngày 31/07/2020 đạt 4,001 triệu tấn, trị giá 1,949 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng tăng 0,6% và về trị giá tăng 13,1 %.

*** Thị trường xuất khẩu lũy kế 7 tháng/2020:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Angieri	208	131.664	0,01%
Angola	2.980	1.427.670	0,07%
Saudi Arabia	20.795	12.014.448	0,52%
Australia	15.406	9.697.702	0,39%
Polan	5.850	2.965.039	0,15%
Bangladesh	561	288.749	0,01%

Belgium	365	225.175	0,01%
Ivory Coast	264.955	117.701.771	6,62%
Brunei	321	136.104	0,01%
Chile	1.543	705.123	0,04%
Taiwan	12.982	7.123.435	0,32%
Ghana	290.350	150.083.714	7,26%
Netherlands	4.781	2.394.319	0,12%
Hongkong	48.188	26.611.835	1,20%
Indonesia	59.343	33.302.061	1,48%
Iraq	90.000	47.610.000	2,25%
Malaysia	413.318	176.627.548	10,33%
Mozambique	40.118	19.651.661	1,00%
United States America	12.591	8.665.970	0,31%
South Africa	3.978	2.158.675	0,10%
Russia	6.644	2.846.691	0,17%
French	2.366	1.400.242	0,06%
Philippines	1.495.587	688.347.136	37,38%
Senegal	41.391	14.711.919	1,03%
Singapore	64.245	35.145.363	1,61%
Tanzania	11.970	6.852.694	0,30%
Spain	1.176	659.045	0,03%
Tukey	533	319.581	0,01%
United Arab Emirates	33.786	18.858.407	0,84%
China	493.142	293.386.479	12,33%
Ukraina	1.639	982.854	0,04%
<i>Các nước khác</i>	<i>559.923</i>	<i>266.084.118</i>	<i>13,99%</i>
TỔNG CỘNG	4.001.035	1.949.117.192	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/07 – 31/07/2020, có 26 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 186.050 tấn gạo các loại (trong đó, 18 tàu cảng Hồ Chí Minh và 08 tàu cảng Mỹ Thới).

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Quang Minh 9	HCM	02/07/20	4.000	Malaysia
2	An Bình 18	HCM	06/07/20	4.000	Philippines
3	Leonor	HCM	06/07/20	35.000	Cuba
4	Quang Minh 6	HCM	06/07/20	4.000	Malaysia
5	Beata	HCM	09/07/20	8.200	Syria
6	Hải Phương Ocean	Mỹ Thới	09/07/20	4.000	Philippines
7	Nasico Eagle	Mỹ Thới	09/07/20	5.000	Hàn Quốc
8	Việt Hải Sun	Mỹ Thới	09/07/20	4.000	Philippines
9	Hải Bình 16	HCM	11/07/20	4.000	Malaysia
10	Hải Phương Sun	HCM	15/07/20	4.000	Philippines

11	Quang Minh 5	HCM	15/07/20	4.000	Malaysia
12	An Thịnh Phú 08	HCM	16/07/20	4.000	Malaysia
13	Mekong	Mỹ Thới	17/07/20	4.150	Đông Timor
14	Vĩnh Phúc 168	Mỹ Thới	17/07/20	2.850	Philippines
15	Giang Hải 09	Mỹ Thới	23/07/20	3.100	Philippines
16	Mỹ Thịnh	HCM	23/07/20	12.500	Đông Timor
17	Quang Minh	Mỹ Thới	23/07/20	4.200	Philippines
18	Trường Lộc 16	HCM	25/07/20	4.800	Malaysia
19	Phú An 369	HCM	25/07/20	4.900	Malaysia
20	Phú An 368	HCM	26/07/20	4.700	Malaysia
21	An Bình 18	HCM	29/07/20	3.950	Malaysia
22	Globe 06	HCM	30/07/20	4.000	Philippines
23	Mỹ Hưng	HCM	30/07/20	5.900	Đông Timor
24	Mỹ Thịnh	HCM	30/07/20	12.500	Đông Timor
25	Celia	HCM	31/07/20	30.500	Cuba
26	HTK Venus	Mỹ Thới	31/07/20	3.800	Philippines
Tổng				186.050	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Từ ngày 01/07 đến 31/07/2020:

- Vụ Hè Thu 2020, thu hoạch được 375 ngàn ha với năng suất khoảng 5,8 tấn/ha;

- Vụ Thu Đông 2020, xuống giống được 120 ngàn ha/800 ngàn ha diện tích kế hoạch.

* Tính đến ngày 31/07/2020:

- Vụ Hè Thu 2020 đã xuống giống được 1,428 triệu ha/1,540 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 825 ngàn ha với năng suất khoảng 5,85 tấn/ha;

- Vụ Thu Đông 2020 đã xuống giống được 500 ngàn ha/800 ngàn ha diện tích kế hoạch.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T6/2020	So với T7/2019
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>					
Hạt dài	6.000	5.075	5.460	+162	+712
Lúa thường	5.750	4.750	5.262	+38	+1.149
<u>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</u>					
Hạt dài	7.075	5.325	6.391	+195	+857
Lúa thường	6.850	5.325	6.221	+143	+1.453

Gạo Nguyên Liệu					
Lứt loại 1	9.000	7.850	8.389	+255	+1.223
Lứt loại 2	8.650	6.600	8.043	+143	+1.949
Xát trắng loại 1	11.300	9.050	9.838	+63	+1.160
Xát trắng loại 2	10.300	8.950	9.589	+33	+2.635
Phu Phẩm					
Tám 1/2	7.950	7.300	7.570	+51	+1.627
Tám 2/3	7.525	6.450	7.048	+123	+1.458
Tám 3/4	6.850	6.400	6.575	+128	+1.048
Cám xát	6.525	5.350	5.569	+403	+200
Cám lau	6.525	5.350	5.562	+394	+163
Gạo TPXK Không Bao Tai Man					
Gạo trắng 5% tấm	10.450	9.100	9.728	-3	+2.435
Gạo trắng 10% tấm	10.200	9.150	9.650	-64	+2.513
Gạo trắng 15% tấm	10.100	8.900	9.441	-26	+2.407
Gạo trắng 20% tấm	10.000	8.950	9.423	-53	+2.479
Gạo trắng 25% tấm	9.700	8.600	9.162	-23	+2.297

C/ HẠT GẠO & MÓN NGON VIỆT NAM:

1. Giống gạo Việt Nam: JASMINE 85

*** Nguồn gốc:**

Giống lúa Jasmine 85 là giống nhập nội từ Viện lúa Quốc tế (IRRI) được Viện Lúa ĐBSCL chọn thuần.



*** Đặc điểm chính:**

- Là giống có khả năng thích nghi rộng, năng suất cao, ổn định, thích hợp canh tác trong cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu.

- Thời gian sinh trưởng ngắn (93-100 ngày).

- Dạng hình đẹp, khá cứng cây, chịu phân, tỷ lệ lép thấp

*** Đặc tính nông học:**

- Thời gian sinh trưởng ngắn: 93-100 ngày

- Chiều cao cây: 80-100cm

- Khả năng đẻ nhánh: 350-450 bông /m².

- Số hạt chắc / bông: 90-105 hạt

- Tỷ lệ lép: 14-15%

- Trọng lượng 1000 hạt: 27 gam

- Tiềm năng năng suất: 7-9 tấn /ha.

*** Phản ứng sâu bệnh:**

- Không kháng được rầy nâu, nhiễm nhẹ bệnh khô vằn, nhiễm bệnh lúa/xoắn lá.

- Cây cứng, ít đổ ngã, chịu phèn mặn nhẹ.

*** Phẩm chất hạt:**



Kích thước hạt lúa 7,2 - 7,8 mm, rộng 2,1 - 2,2 mm giống đạt tiêu chuẩn xuất khẩu loại cao cấp, hạt trong, không bạc bụng, có mùi thơm vừa, dẻo, độ hóa hồ cấp 4-5.



Kích thước hạt gạo hạt dài, to, chiều dài trung bình 6,8 mm, màu trắng trong, có mùi thơm dứa đặc trưng, cơm ngọt, dẻo, hạt cơm kết dính, dễ nguội cơm vẫn mềm.

* **Địa phương gieo trồng chủ lực:** An Giang, Đồng Tháp,...

2. Món ngon Việt Nam:



(Cơm sườn)

Cơm tấm được nấu từ hạt gạo tấm, tức hạt gạo bị bể. Gạo này xưa là loại gạo thứ phẩm, rớt vãi sau khi sàng, thường dùng cho gà ăn hoặc cho người ăn lúc quá túng thiếu. Nay thì cơm tấm đã thành món ăn quen thuộc do đó gạo tấm cũng được nâng giá cao hơn.

Ăn cơm tấm phải có nước mắm ngọt, là nước mắm pha với nước lọc và thêm đường. Tùy theo cách chế biến và khẩu vị của người ăn, nước mắm có thể ngọt nhiều hoặc ngọt ít (mặn), có thể thêm chanh.

Cơm tấm có thể ăn kèm với nhiều thứ, nhưng nhiều nhất là sườn nướng, chả trứng, trứng ốp la và bì.

Một đĩa cơm tấm có thể gồm cả sườn, bì, chả, trứng hoặc không gồm đầy đủ các món trên, nhưng đây là 4 thức ăn thông dụng nhất và người ta thường xếp tên chúng bên nhau trên các biển hiệu cơm tấm:

Sườn: Sườn ăn với cơm tấm là loại sườn heo được tẩm ướp gia vị chua ngọt, sau đó đem nướng. Thường các quán cơm tấm nướng sườn ngay trước cửa tiệm, khói hương bốc ra mang theo mùi vị đặc trưng của sườn nướng và nhiều người nhận ra ngay là họ vừa đi ngang qua quán cơm tấm.

Chả: Gọi là chả hoặc chả trứng, được làm từ trứng, cua, thịt băm, nấm mèo và bún tàu. Chả trứng được chưng sẵn thành một cái bánh hình tròn hoặc chữ nhật, khi ăn xắt lát.

Trứng: Trứng ở đây thường là trứng ốp la.

Bì: là hỗn hợp nhiều thứ, thường gồm thịt heo cắt sợi, da heo cắt sợi trộn với thính và gia vị.

Mỡ hành: Là hỗn hợp lỏng được làm từ hành lá, phi dầu hoặc mỡ, đôi khi trộn với tóp mỡ chiên. Mỡ hành giúp cơm tấm có độ béo đặc trưng, tuy nhiên một số người không ăn vì nhiều lý do sợ béo

Đồ chua giúp cơm tấm có vị chua ngọt và hấp dẫn hơn. Thường làm từ cà chua, cà rốt, củ cải, dưa leo, dưa muối đôi khi là đu đủ.

Đôi khi cơm tấm được ăn với thịt kho tàu, đậu hũ nhồi thịt, cá chiên, gà, rau, đồ xào,... giống như cơm thường. Kiểu ăn này thường thấy ở các quán cơm tấm đêm.

Ngày 1 tháng 8 năm 2012, tại Faridabad, Ấn Độ, Tổ chức Kỷ lục châu Á đã công nhận kỷ lục châu Á về giá trị ẩm thực cho cơm tấm Sài Gòn cùng chín món ăn Việt Nam khác.

Đầu năm 2012, CNN xem cơm tấm là một món hè phổ bình dân hấp dẫn.
